

Số: 91 /QĐ-ĐHTV

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Trung Ương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ - TTg ngày 18/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trung Ương;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 124A/QĐ-ĐHTV ngày 03/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Trung Ương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trung Ương;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Trung Ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 174/QĐ-ĐHTV ngày 27/5/2022 ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Trung Ương.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để th/hiện);
- Website của Trường;
- Lưu: VT, ĐT, TTr-PC.



TS. Nguyễn Huy Oanh

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.

12. Kỳ thi độc lập là kỳ thi được tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ ở các mức độ khác nhau phục vụ xét tuyển.

13. Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (như thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển.

14. Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

15. Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng. Trường hợp thi năng khiếu vẽ, thí sinh có thể thực hiện trên giấy vẽ và được giám sát trực tuyến từ các góc độ theo yêu cầu của kỳ thi.

16. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của Trường.

17. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GDĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

18. Cổng thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường Đại học Trung Vương.

19. Mã trường là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo, trong đó DVP là mã của Trường Đại học Trung Vương.

20. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh một nhóm ngành, một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

Điều 3. Yêu cầu chung đối với công tác tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Trường phối hợp với các cơ sở đào tạo khác dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng mang tính đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro;

e) Đối với các hình thức tuyển sinh liên tục, nhiều đợt theo năm, việc xét tuyển được ưu tiên theo từng đợt tuyển sinh.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường sẽ hợp tác bình đẳng với các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường và các cơ sở đào tạo cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Mở khóa đào tạo

1. Yêu cầu mở khóa đào tạo

Hàng năm, căn cứ các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo (CTĐT) theo quy định của Trường về mở ngành và xây dựng CTĐT và Đề án tuyển

sinh của Trường, Khoa chuyên môn phối hợp với Phòng Đào tạo tham mưu, trình Hiệu trưởng quyết định và thực hiện công tác tuyển sinh.

2. Thủ tục mở khóa đào tạo chính quy

Đối với đào tạo chính quy dài hạn, việc mở khóa được thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm thông qua Đề án tuyển sinh.

Đối với hình thức đào tạo liên thông đối với người có văn bằng khác (ĐTLT), trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông đại học chính quy, Phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức tổng hợp và tham mưu gửi báo cáo trực tiếp hoặc qua bưu điện về Bộ GDĐT, đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử của Trường các nội dung gồm:

- Quyết định tuyển sinh ĐTLT của Trường;
- Bản sao các quyết định:
 - + Quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học CQ đối với ngành quyết định thực hiện tuyển sinh ĐTLT;
 - + Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ đối với ngành quyết định tuyển sinh ĐTLT và quyết định thí sinh trúng tuyển CTĐT trình độ đại học theo tín chỉ của 03 (ba) khóa liên tục;
 - + Quyết định ban hành quy định về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi thực hiện CTĐT liên thông (kèm theo địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của Trường).

3. Thủ tục mở khóa liên kết đào tạo VLVH

a) Hằng năm, đơn vị liên kết (ĐVLK) gửi công văn đề nghị mở khóa đào tạo dự kiến cụ thể ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh/ngành về Trường thông qua Phòng Đào tạo. Trên cơ sở Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng quyết định về việc đào tạo VLVH với các ĐVLK.

b) Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm đầu mối thực hiện báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; báo cáo Bộ GDĐT trước khi khai giảng.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Điều 6. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định từng ngành, chương trình đào tạo, phương thức xét tuyển;

b) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí (nếu có) theo quy định;

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có thể quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Công dân nước ngoài: không giới hạn độ tuổi, có đủ sức khỏe, điều kiện về trình độ văn hóa (có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên; đã được dịch công chứng sang tiếng Việt và có xác nhận công nhận giá trị văn bằng của Bộ GDĐT hoặc cơ quan nhà nước khác được phép công nhận giá trị văn bằng), có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT và đảm bảo các quy định theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam hiện hành.

Điều 7. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh

a) Trường thực hiện các phương thức thi tuyển, xét tuyển hoặc xét tuyển kết hợp với thi tuyển, phương thức tuyển sinh cụ thể từng hình thức đào tạo được xác định trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

b) Mỗi phương thức tuyển sinh được thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để phân loại, xếp hạng và xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo và để được thể hiện trong đề án tuyển sinh.

c) Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (bao gồm điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):

- Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo (có thể tính hệ số cho từng môn), trong đó có môn toán hoặc ngữ văn;

- Một ngành, một chương trình đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số tổ hợp môn, trong đó có thể quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp khi xác định điều kiện trúng tuyển;

- Không sử dụng quá 4 tổ hợp xét tuyển cho một ngành, một chương trình đào tạo (trừ trường hợp các tổ hợp môn chỉ khác nhau ở môn ngoại ngữ).

d) Đối với một ngành, chương trình đào tạo có chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển:

- Việc phân bổ chỉ tiêu giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển phải có căn cứ hợp lý; không gây mất công bằng cho các thí sinh chọn phương thức, tổ hợp xét tuyển khác nhau;

- Việc thay đổi, bổ sung phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển phải có căn cứ và lộ trình hợp lý; không làm tỉ lệ phân bổ chỉ tiêu của một phương thức, tổ hợp đã sử dụng

trong năm trước giảm quá 30% (trong cơ cấu chỉ tiêu của ngành, chương trình đào tạo) trừ trường hợp việc thay đổi, bổ sung đó đã được công bố trước thời điểm mở đăng ký dự tuyển ít nhất 1 năm.

2. Thời gian tuyển sinh

a) Đối với tuyển sinh chính quy: đợt 1 theo quy định của Bộ GDĐT và được thể hiện trong đề án tuyển sinh hàng năm. Trường hợp chưa đủ chỉ tiêu có thể tuyển sinh các đợt bổ sung. Đối với liên thông chính quy (LTCQ), tổ chức tuyển sinh 4 đợt/năm.

b) Đối với tuyển sinh VLVH: Liên tục trong năm.

c) Khi có ngành học đã tuyển sinh đủ chỉ tiêu theo đề án tuyển sinh, Trường thông báo dừng tuyển sinh ngành học đó trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

Điều 8. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế này)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.}$

Điều 9. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Đối tượng được tuyển thẳng

Thí sinh đáp ứng các quy định tại Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT được xét tuyển thẳng, cụ thể như sau:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào tất cả các ngành đào tạo.

b) Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

Danh sách thành tích, giải thưởng của thí sinh tuyển thẳng theo từng ngành tuyển sinh được quy định cụ thể hằng năm trong Đề án tuyển sinh.

c) Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT hoặc tương đương của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành của Trường nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;
- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

Trường sử dụng hình thức ưu tiên xét tuyển sớm (nếu có) để xét tuyển đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại mục a, b khoản 1 Điều này không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các ngành theo nguyện vọng nhưng đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm xét tuyển tương ứng và đã tốt nghiệp THPT cùng năm được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho vào học.

b) Thí sinh đạt các giải sau nếu đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành theo nguyện vọng xét tuyển năm tương ứng và đã tốt nghiệp THPT cùng năm được Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho vào học:

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

Điều 10. Xác định ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày. Đối với các hình thức tuyển sinh liên tục việc công bố ngưỡng đầu vào được thể hiện trong thông báo tuyển sinh.

Điều 11. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

- b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường, thời gian bảo lưu tối đa là 01 năm. Phòng Đào tạo tiếp nhận đơn của thí sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt. Đối với thí sinh thuộc mục a khoản 1

Điều này, thời gian bảo lưu tối đa được xem xét cho từng trường hợp nhưng không ít hơn 3 năm.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu từ 3 năm trở lên, Trường xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Chương III

ĐỀ ÁN VÀ TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Điều 12. Đề án, kế hoạch và thông báo tuyển sinh

1. Mỗi năm Trường xây dựng và công bố đề án tuyển sinh nhằm thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội theo quy định hiện hành. Đề án tuyển sinh hằng năm được xây dựng dựa trên cơ sở phương hướng tuyển sinh được Hội đồng trường quyết định. Phòng Đào tạo làm đầu mối, các đơn vị, cá nhân có liên quan tham gia trực tiếp xây dựng, góp ý hoàn thiện thông tin của Đề án theo quy định.

2. Nội dung đề án bao gồm các thông tin:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (theo phụ lục III của Quy chế này);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm, gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành, chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

e) Thông tin địa điểm tuyển sinh và đào tạo của Trường gồm khu giảng đường các khoa chuyên ngành, danh mục hệ thống ĐVLK trên toàn quốc.

3. Thông báo tuyển sinh

a) Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

Đối với hình thức VLVH, Trường thực hiện tuyển sinh theo từng đợt và có thông báo tuyển sinh được ban hành theo từng đợt tuyển sinh trong năm. Chỉ tiêu tuyển sinh

trong từng đợt được xác định căn cứ đề án tuyển sinh và kết quả tuyển sinh đã được thực hiện. Phòng Đào tạo xem xét tham mưu trình Hiệu trưởng quyết định ban hành.

b) Thông báo tuyển sinh phải bao gồm các nội dung: ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, mức phí xét tuyển, học phí và các khoản thu khác của người học cho học kỳ đầu và dự kiến cả khoá học, thời gian tuyển sinh, các giấy tờ của hồ sơ tuyển sinh, phương thức đào tạo, địa điểm nhận hồ sơ, địa điểm học và thi, thông tin liên hệ và một số thông tin liên quan khác.

Điều 13. Hội đồng tuyển sinh

1. Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Hội đồng tuyển sinh VLVH thực hiện theo năm học.

2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh Trường

a) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn thuộc Hội đồng.

b) Thành phần của HĐTS gồm có: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

- Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng/Trưởng phòng Đào tạo;

- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng Phòng Đào tạo (hoặc Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng);

- Các ủy viên: Trưởng hoặc Phó trưởng các đơn vị liên quan đến tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT hiện hành) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS và các Ban chuyên môn HĐTS trong đợt thi hoặc đợt xét tuyển đó. Trường hợp tổ chức tuyển sinh liên tục đối với hình thức VLVH, những người này không tham gia thực hiện các công việc của HĐTS trong đợt thi hoặc xét tuyển đó.

c) Các Ban thuộc của HĐTS

- Ban Thư ký: Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm; Phó ban (nếu có) là Lãnh đạo đơn vị liên quan; Các ủy viên: một số cán bộ Phòng Đào tạo, một số đơn vị liên quan và cán bộ công nghệ thông tin;

d) Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS:

- Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;

- Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

- Thu hoặc uỷ quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

- Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định bởi thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật của Hiệu trưởng.

- Tham mưu Hiệu trưởng báo cáo kịp thời công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành.

e) Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

- Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;

- Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh;

- Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn (nếu có) để giúp việc cho HĐTS trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Ban chuyên môn phải là thành viên HĐTS;

f) Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐTS: Phó Chủ tịch HĐTS giúp Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

g) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

- Thẩm định hồ sơ đăng ký dự tuyển;
- Lập phương án xét tuyển;
- Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- Phát hành giấy báo nhập học;
- Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;
- Đề xuất thành lập các Điểm thi (nếu áp dụng phương thức thi tuyển);
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao;

3. Trường hợp tổ chức kỳ thi bổ trợ hoặc độc lập để tuyển sinh, thực hiện theo Đề án tổ chức thi trong năm tuyển sinh và tổ chức thi theo Quy chế thi hiện hành của Trường.

Điều 14. Hồ sơ dự tuyển và thủ tục tuyển sinh

1. Hồ sơ dự tuyển:

a) Hồ sơ đăng ký dự tuyển hình thức chính quy

Hồ sơ và thủ tục tuyển sinh đối với hình thức đào tạo chính quy thực hiện theo Đề án tuyển sinh hằng năm.

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển thông qua hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT, công tuyển sinh của Trường. Sau khi trúng tuyển thực hiện chuẩn bị hồ sơ gồm:

- Giấy báo nhập học (bản chính);
- Hồ sơ Học sinh - Sinh viên có dán ảnh và đóng dấu giáp lai, có xác nhận của chính quyền địa phương ở 02 bản sơ yếu lý lịch;
- Bản sao học bạ;
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc bằng cấp tương đương). Những thí sinh tốt nghiệp THPT năm dự tuyển mà chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT bản chính;
- Bản sao Giấy khai sinh;
- Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT để xét tuyển), Bản chính giấy chứng nhận kết quả thi khác (đối với thí sinh sử dụng các phương thức xét tuyển khác);
- Hồ sơ sinh hoạt Đảng, sổ Đoàn viên (nếu có);
- Bản sao giấy tờ được hưởng chế độ ưu tiên về khu vực và đối tượng (nếu có);
- 02 bản photocopy Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân;
- 01 bản photocopy Thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực (nếu có);

- Thủ tục đăng ký di chuyển nghĩa vụ quân sự đối với thí sinh nam gồm:
- + Giấy xác nhận đăng ký vắng mặt do Ban chỉ huy quân sự Phường/Xã nơi cư trú cấp;
- + Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự do Ban chỉ huy quân sự Quận/Huyện cấp;

b) Hồ sơ đăng ký dự tuyển LTCQ:

- Phiếu đăng ký xét tuyển đại học có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công tác (*Phụ lục III*);

- Bản sao hợp lệ bằng đại học và bảng điểm. Thí sinh tốt nghiệp đại học theo hình thức liên thông từ trung cấp, cao đẳng thì phải có thêm bằng và bảng điểm trung cấp, cao đẳng;

- Bản sao hợp lệ bằng cao đẳng/cao đẳng nghề kèm bản sao hợp lệ bảng điểm và bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) đối với LTCQ;

- 04 ảnh 4x6 trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh ở mặt sau;

- 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ liên lạc của người dự tuyển.

c) Hồ sơ đăng ký dự tuyển hình thức VLVH

- Mẫu chung bao gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển đại học có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan công tác (*Phụ lục IV*);

+ Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trung học phổ thông hoặc tương đương (đối với những thí sinh xét tuyển trong năm tốt nghiệp), bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề hoặc đại học (người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì phải đảm bảo đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ GDĐT);

+ Bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân/thẻ Căn cước công dân;

+ 02 ảnh 4x6 trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh ở mặt sau.

- Đối với đào tạo VLVH bổ sung thêm:

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

+ Bản sao hợp lệ học bạ trung học phổ thông hoặc tương đương, bảng điểm trung cấp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề hoặc đại học;

d) Người dự tuyển là công dân người nước ngoài có thêm các hồ sơ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước;

đ) Đối với lớp mở tại Trường thí sinh nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký dự tuyển; đối với lớp mở tại đơn vị liên kết, người dự tuyển nộp 02 (hai) bộ hồ sơ đăng ký dự tuyển (01 bộ lưu tại Trường và 01 bộ lưu tại cơ sở đặt lớp);

e) Không hoàn lại hồ sơ đã nộp.

2. Thủ tục tuyển sinh

a) Trường phát hành thông báo tuyển sinh trước mỗi đợt tuyển sinh theo quy định;

b) Công bố công khai thông báo tuyển sinh, các thông tin liên quan đến tuyển sinh và CTĐT trên trang thông tin điện tử của Trường và các kênh thông tin khác;

c) Tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu và số hoá (scan) hồ sơ dự tuyển đưa vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến của Trường. Trường hợp thí sinh cần thực hiện đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến, Trường có thông báo và hướng dẫn cụ thể;

d) Thẩm định hồ sơ, tổ chức xét tuyển và ra quyết định trúng tuyển. Thông báo kết quả trúng tuyển (giấy báo nhập học) đến người dự tuyển biết để nhập học (đối với hình thức đào tạo chính quy thẩm định hồ sơ có thể thực hiện sau khi thí sinh đến làm thủ tục nhập học);

đ) Tổ chức nhập học cho thí sinh trúng tuyển đến nhập học;

e) Ra quyết định công nhận sinh viên cho thí sinh trúng tuyển và thực hiện hoàn tất nhập học.

Điều 15. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Tổ chức kỳ thi để tuyển sinh cho phương thức thi tuyển và phương thức thi tuyển kết hợp với xét tuyển.

2. Tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo Quy chế thi hiện hành của Trường Đại học Trưng Vương và Đề án tổ chức thi (có thể tích hợp trong Đề án tuyển sinh) của Trường trong năm tuyển sinh.

3. Đề án tổ chức thi

a) Đề án tổ chức thi do Hiệu trưởng ký ban hành, thể hiện trách nhiệm giải trình và những cam kết của trường đối với cơ quan quản lý nhà nước, thí sinh và toàn xã hội về mục đích và các điều kiện bảo đảm chất lượng của kỳ thi; đáp ứng những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế này.

b) Đề án tổ chức thi bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích, tính chất của kỳ thi (kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hay kỳ thi bổ trợ);
- Kế hoạch tổ chức thi và danh sách các cơ sở đào tạo hợp tác hoặc đã công bố sử dụng kết quả thi;
- Thông tin và minh chứng cho việc đáp ứng đầy đủ năng lực tổ chức thi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Nội dung quy chế thi (dưới dạng phụ lục hoặc đường dẫn tới tài liệu trên trang thông tin điện tử của Trường);

- Hướng dẫn cụ thể cho thí sinh thực hiện các quy trình đăng ký dự thi và tham gia thi, trong đó có quy định mức thu dịch vụ tổ chức thi.

c) Đề án tổ chức thi do Phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, Đề án có thể được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai, nhưng không được gây bất lợi cho thí sinh hoặc làm giảm đi cơ hội tiếp cận kỳ thi thuận lợi và công bằng cho những thí sinh dự tuyển.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ VÀ XÉT TUYỂN

Điều 16. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng đối với tuyển sinh chính quy

1. Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 9 của quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp về Trường.
2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch chung.
3. Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện), hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác theo thông báo của Trường.
4. Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm đối với tuyển sinh chính quy

1. Trường có kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường và đồng thời nộp hồ sơ về Trường theo thời gian quy định.
2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển. Trường công bố và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống của Bộ GDĐT để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GDĐT.
3. Thí sinh đã dự tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.
 - a) Trường hợp thí sinh đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống của Bộ GDĐT (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).
 - b) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

Điều 18. Kế hoạch và đăng ký xét tuyển đối với đại học chính quy

1. Sau khi Bộ GDĐT ban hành kế hoạch chung cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trường thực hiện triển khai các quy trình:
 - Xây dựng chi tiết kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có);
 - Đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và cổng thông tin tuyển sinh của Trường;
 - Tổ chức xét tuyển tại Trường theo các phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh;

- Xử lý nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GDĐT kết hợp hệ thống của Trường (hoặc nhóm Trường);

- Xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ GDĐT và nhập học tại Trường.

2. Trường thực hiện theo hướng dẫn và hỗ trợ của Bộ GDĐT về tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các cơ sở đào tạo. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

3. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT. Việc thiết lập các thông tin để thí sinh đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trên Cổng dịch vụ công quốc gia do đơn vị được Hiệu trưởng giao thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Thí sinh dự tuyển đào tạo chính quy, mỗi đợt được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành thuộc Trường không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

5. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Trường) như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);

b) Lựa chọn về Trường;

c) Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành);

d) Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức);

đ) Lựa chọn tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp) đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi theo bài thi/môn thi, hoặc mã tổ hợp xét tuyển được quy định trong đề án tuyển sinh đối với các phương thức xét tuyển sớm. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GDĐT đối với các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung.

6. Đối với tuyển sinh đào tạo liên thông, Phòng Đào tạo tham mưu Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh; tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch. Việc tổ chức đăng ký xét tuyển thực hiện đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến và nộp hồ sơ trực tiếp về Phòng Đào tạo.

Điều 19: Kế hoạch và đăng ký xét tuyển đối với đại học VLVH

1. Phòng Tuyển sinh và Truyền thông xây dựng Kế hoạch tuyển sinh (về thời gian, chỉ tiêu thực hiện, các địa điểm ĐVLK, đơn vị phối hợp đào tạo) theo đề xuất của đơn vị liên kết, đơn vị phối hợp đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Tháng 12 hằng năm, các đơn vị liên kết, đơn vị phối hợp đào tạo gửi công văn đề nghị tuyển sinh VLVH cụ thể về dự kiến ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh/ngành của năm kế tiếp;

- Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, thống kê và lập kế hoạch tuyển sinh chuyên về Phòng Đào tạo làm căn cứ xây dựng đề án tuyển sinh.

2. Trường tổ chức các tiếp nhận hồ sơ liên tục trong năm, căn cứ theo thực tế số lượng hồ sơ đăng ký tổ chức xét tuyển: tối thiểu 01 đợt/tháng đối với VLVH. Trong trường hợp cần thiết do các đơn vị đề xuất xét tuyển bổ sung.

3. Việc đăng ký xét tuyển trực tuyến do thí sinh thực hiện hoặc các ĐVLK/Cộng tác viên tư vấn tuyển sinh thực hiện, hỗ trợ thí sinh. Đơn vị đầu mối rà soát đầy đủ nội dung hồ sơ đăng ký.

4. Phòng Tuyển sinh và Truyền thông chịu trách nhiệm đầu mối tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu và số hoá (scan) hồ sơ dự tuyển đưa vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến của Trường.

Điều 20. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng

1. Trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng hoặc có thể phối hợp theo nhóm Trường để tổ chức xét tuyển theo các phương thức xét tuyển chung. Thực hiện theo hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GDĐT. Thực hiện xét tuyển trên hệ thống của Trường đối với đào tạo VLVH.

2. Đối với các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GDĐT, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào Trường theo các phương thức tuyển sinh.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường có thể sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

4. Đối với các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung, sau mỗi chu kỳ xét tuyển Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống của Bộ GDĐT xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển.

Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 21. Thông báo kết quả, xác nhận nhập học

1. Trường thông báo điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân, đồng thời gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Đối với hình thức đào tạo đại học chính quy, thí sinh trúng tuyển thực hiện xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT trước khi nhập học tại Trường, đồng thời thí sinh cần cập nhật thông tin cá nhân, minh chứng hồ sơ lên cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

3. Đối với hình thức đào tạo VL VH, thí sinh xác nhận nhập học và nhập học tại Trường/ĐVLK trong thời gian 30 ngày kể từ ngày thông báo nhập học. Sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học Phòng Tuyển sinh và Truyền thông ghi nhận trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường. Thời gian tối đa để xem xét các lý do nhập học muộn là 60 ngày.

4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường trên hệ thống của Bộ GDĐT không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

Điều 22. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Chương V

TỔ CHỨC NHẬP HỌC, CÔNG NHẬN SINH VIÊN

Điều 23. Tổ chức nhập học

1. Đối với hình thức chính quy

- Thí sinh đã trúng tuyển và thực hiện việc xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT, tiếp theo đó khai báo thông tin trên cổng thông tin của Trường và thực hiện việc nhập học theo thời gian trên giấy báo trúng tuyển. Khi nhập học phải nộp giấy báo nhập học và xuất trình bản chính các giấy tờ theo quy định để kiểm tra đối chiếu;

- Tuyển sinh học liên thông với người có văn bằng khác: HĐTS tổ chức xét duyệt danh sách trúng tuyển, gửi giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển. Trong giấy báo nhập học cần ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh và những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học; Thí sinh trúng tuyển vào Trường phải nộp giấy báo nhập học và xuất trình bản chính các giấy tờ theo quy định để kiểm tra đối chiếu;

2. Đối với hình thức VLVH

- HĐTS tổ chức xét duyệt danh sách trúng tuyển, gửi giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển. Trong giấy báo nhập học cần ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh và những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học;

- Phòng Tuyển sinh và Truyền thông phối hợp với ĐVLK (nếu có) lên kế hoạch và tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển;

- Hồ sơ nhập học bao gồm: giấy báo nhập học; học phí và các khoản kinh phí theo quy định hiện hành của Trường;

- Phòng Tuyển sinh và Truyền thông phối hợp với ĐVLK (nếu có) tổ chức thu học phí và các khoản kinh phí, cung cấp thông tin có liên quan về kế hoạch học tập và tổ chức nhập học, lập danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học và ghi nhận vào hệ thống quản lý tuyển sinh không chính quy của Trường.

Điều 24. Công nhận sinh viên, thẩm định văn bằng, thẻ sinh viên

1. Công nhận sinh viên

a) Đối với hình thức chính quy

Sau khi xem xét hồ sơ nhập học đủ điều kiện, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận sinh viên, danh sách công nhận sinh viên và gửi các đơn vị liên quan để quản lý và triển khai đào tạo theo kế hoạch.

b) Đối với hình thức VLVH

Sau khi nhập học, Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp Phòng Tuyển sinh và Truyền thông trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận sinh viên và gửi cho các đơn vị liên quan để quản lý và tổ chức đào tạo.

2. Thẩm định văn bằng tốt nghiệp gốc

a) Đối với các hình thức đào tạo, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm chủ trì việc kiểm tra, đối chiếu và thẩm định văn bằng gốc của sinh viên trong vòng 06 (sáu) tháng tính từ ngày có quyết định công nhận sinh viên. Những sinh viên không thực hiện nghĩa vụ thẩm định văn bằng gốc trong vòng 06 (sáu) tháng tính từ ngày có quyết định công nhận sinh viên phải có cam kết chịu trách nhiệm về văn bằng gốc. Kết quả thẩm định được Phòng Đào tạo lưu trữ. Những sinh viên có văn bằng không hợp lệ, Phòng Đào tạo báo cáo Hiệu trưởng xử lý theo điểm b khoản này;

b) Sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp bị thu hồi, huỷ bỏ; bị xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo về cơ quan, địa phương và gia đình.

3. Thẻ sinh viên tích hợp thẻ thư viện

Việc in và cấp phát thẻ dựa trên danh sách quyết định nhập học sinh viên, được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký quyết định công nhận sinh viên.

Phòng Công tác sinh viên chịu trách nhiệm đầu mối in, cấp phát thẻ đối với đào tạo chính quy; phối hợp với đơn vị liên quan in, cấp phát thẻ đối với đào tạo VLVH.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các cơ sở đào tạo, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của cơ sở đào tạo mà không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật.

3. HĐTS tổ chức tuyển sinh theo đề án và Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong đề án tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của Trường theo Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. HĐTS/đơn vị được Hiệu trưởng giao cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học; báo cáo những nội dung theo quy định, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

6. Phòng Đào tạo bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

7. Phòng Tuyển sinh và Truyền thông chịu trách nhiệm đầu mối và phối hợp với các đơn vị trong việc tổ chức tuyên truyền, quảng bá về các hoạt động tuyển sinh; cung cấp và công khai thông tin tuyển sinh.

9. Đối với những nội dung chưa quy định cụ thể tại văn bản này thì thực hiện theo thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ GDĐT.

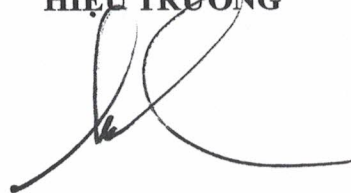
Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi hiện hành của Trường Đại học Trưng Vương.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, giảng viên, nhân viên, tùy theo mức độ sẽ bị đơn vị quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Lao động và các văn bản liên quan hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Huy Oanh

PHỤ LỤC*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Trưng Vương)***Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh**

| Khu vực | Mô tả khu vực và điều kiện |
|------------------------------|---|
| Khu vực 1 (KV1) | Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. |
| Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) | Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3; |
| Khu vực 2 (KV2) | Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1). |
| Khu vực 3 (KV3) | Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. |

Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên

| Đối tượng | Mô tả đối tượng, điều kiện |
|------------------|---|
| <i>Nhóm UT1</i> | |
| 01 | Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1. |
| 02 | Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen. |
| 03 | a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định. |
| 04 | a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất |

| | |
|-----------------|---|
| | độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng. |
| <i>Nhóm UT2</i> | |
| 05 | <p>a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;</p> <p>b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;</p> <p>c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.</p> |
| 06 | <p>a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;</p> <p>b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;</p> <p>c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.</p> |
| 07 | <p>a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;</p> <p>c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;</p> <p>d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.</p> |

Phụ lục III. Đề án tuyển sinh

Cơ quan quản lý trực tiếp
Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM**I. Thông tin chung** (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo:
2. Mã trường:
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

| Lĩnh vực/ngành đào tạo | Trình độ đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | Số SV trúng tuyển nhập học | Số SV tốt nghiệp | Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm |
|-------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------------|-------------------------|---|
| Lĩnh vực... | | | | | |
| Tên ngành | | | | | |
| Tên ngành | | | | | |
| | | | | | |
| Lĩnh vực... | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng | | | | | |

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:.....

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

| TT | Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển | Phương thức xét tuyển | Năm ... (Ví dụ: 2020) | | | Năm ... (Ví dụ: 2021) | | |
|----|--|-----------------------|--------------------------|-------------|------------------|--------------------------|-------------|------------------|
| | | | Chỉ tiêu | Số nhập học | Điểm trúng tuyển | Chỉ tiêu | Số nhập học | Điểm trúng tuyển |
| 1. | Lĩnh vực 1/nhóm ngành/ngành - Ngành 1 Tổ hợp 1: Tổ hợp 2: Tổ hợp 3: - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4 | | | | | | | |
| 2. | Lĩnh vực 2/nhóm ngành/ngành | | | | | | | |
| 3. | Lĩnh vực 3/nhóm ngành/ngành | | | | | | | |
| 4. | | | | | | | | |
| | Tổng | | | | | | | |

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Số văn bản mở ngành | Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành | Số văn bản chuyển đổi mã hoặc ngành (gần nhất) | Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất) | Trưởng tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép | Năm bắt đầu đào tạo | Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh |
|-----|-----------|----------|---------------------|---|--|---|--|---------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1. | | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | | |
| 3. | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo¹ trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

| TT | Trình độ đào tạo | Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển | Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển | Mã phương thức xét tuyển | Tên phương thức xét tuyển | Chỉ tiêu (dự kiến) | Tổ hợp xét tuyển 1 | | Tổ hợp xét tuyển 2 | | Tổ hợp xét tuyển 3 | | Tổ hợp xét tuyển 4 | |
|-----|------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|
| | | | | | | | Tổ hợp môn | Môn chính | Tổ hợp môn | Môn chính | Tổ hợp môn | Môn chính | Tổ hợp môn | Môn chính |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| 1. | | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | | | | | | | | | | | | | | |

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

¹ Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc CSDT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/.....(Người học)

| STT | Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo | Mã lĩnh vực/ngành | Quy mô đào tạo |
|----------------|--|-------------------|----------------|
| A | SAU ĐẠI HỌC | | |
| 1 | Tiến sĩ | | |
| <i>1.1</i> | <i>Lĩnh vực....</i> | | |
| 1.1.1 | Ngành.... | | |
| 2 | Thạc sĩ | | |
| <i>2.1</i> | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 2.1.1 | Ngành.... | | |
| B | ĐẠI HỌC | | |
| 3 | Đại học chính quy | | |
| 3.1 | Chính quy | | |
| 3.1.1 | Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học | | |
| 3.1.1.1 | Lĩnh vực ... | | |
| 3.1.1.1.1 | Ngành... | | |
| 3.1.2 | Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học) | | |
| 3.1.2.1 | Lĩnh vực ... | | |
| 3.1.2.1.1 | Ngành... | | |
| 3.2 | Đối tượng từ trung cấp lên đại học | | |
| <i>3.2.1</i> | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 3.2.1.1 | Ngành... | | |

| | | | |
|---------|---|--|--|
| 3.3 | Đối tượng từ cao đẳng lên đại học | | |
| 3.3.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 3.3.1.1 | Ngành.... | | |
| 3.4 | Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên | | |
| 3.4.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 3.4.1.1 | Ngành.... | | |
| 4 | Đại học vừa làm vừa học | | |
| 4.1 | Vừa làm vừa học | | |
| 4.1.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 4.1.1.1 | Ngành... | | |
| 4.2 | Đối tượng từ trung cấp lên đại học | | |
| 4.2.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 4.2.1.1 | Ngành.... | | |
| 4.3 | Đối tượng từ cao đẳng lên đại học | | |
| 4.3.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 4.3.1.1 | Ngành... | | |
| 4.4 | Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên | | |
| 4.2.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 4.2.1.1 | Ngành.... | | |
| 5 | Từ xa | | |
| 5.1 | <i>Lĩnh vực...</i> | | |
| 5.1.1 | Ngành... | | |
| C | CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON | | |
| 6 | Cao đẳng chính quy | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 6.1 | <i>Chính quy</i> | | |
| 6.2 | <i>Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng</i> | | |
| 6.3 | <i>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng</i> | | |
| 7 | Cao đẳng vừa làm vừa học | | |
| 7.1 | Vừa làm vừa học | | |
| 7.2 | <i>Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng</i> | | |
| 7.3 | <i>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng</i> | | |

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường (ha):

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

| TT | Loại phòng | Số lượng | Diện tích sàn xây dựng (m ²) |
|------|---|----------|--|
| 1 | Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo | | |
| 1.1. | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | | |
| 1.2. | Phòng học từ 100 - 200 chỗ | | |
| 1.3. | Phòng học từ 50 - 100 chỗ | | |
| 1.4. | Số phòng học dưới 50 chỗ | | |
| 1.5 | Số phòng học đa phương tiện | | |
| 1.6 | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo | | |
| 2. | Thư viện, trung tâm học liệu | | |
| 3. | Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập | | |
| | Tổng | | |

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

| STT | Họ và tên | Chức danh khoa học | Trình độ chuyên môn | Chuyên môn đào tạo | Ngành tham gia giảng dạy | |
|-----|---------------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------------|-------------------|
| | | | | | Tên ngành cao đẳng | Tên ngành đại học |
| 1. | Trần Văn A | GS | TS | Ngôn ngữ Anh | Giáo dục Mầm non | Ngôn ngữ Anh |
| 2. | Nguyễn Thị B | | ThS | Tin học | | |
| 3. | ... | | | | | |
| | Tổng số giảng viên toàn trường | | | | | |

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

| STT | Họ và tên | Cơ quan công tác | Chức danh khoa học | Trình độ chuyên môn | Chuyên môn đào tạo | Ngành tham gia giảng dạy | |
|-----|---------------------------------------|------------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------------|-------------------|
| | | | | | | Tên ngành cao đẳng | Tên ngành đại học |
| 1. | Trần Văn A | | GS | TS | Ngôn ngữ Anh | Giáo dục Mầm non | Ngôn ngữ Anh |
| 2. | Nguyễn Thị B | | | ThS | Tin học | | |
| 3. | | | | | | | |
| | Tổng số giảng viên toàn trường | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|---------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| TCCT | | | | | | | | |
| CCCT | | | | | | | | |
| Chứng chỉ ngoại ngữ | | | | | | | | |

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC

(Ghi từ năm bắt đầu học THPT, BTH, hoặc TCCN....)

| Ngày, tháng, năm | Học tập hoặc làm việc gì | Ở đâu | Thành tích học và làm việc |
|------------------|--------------------------|-------|----------------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

II - PHẦN GIA ĐÌNH

Họ và tên cha: Năm sinh: / /

Nơi ở:

Nghề nghiệp:

Họ và tên mẹ: Năm sinh: / /

Nơi ở:

Nghề nghiệp:

Họ và tên vợ (hoặc chồng): Năm sinh: / /

Nơi ở:

Nghề nghiệp:

Tôi đã tìm hiểu thông tin tuyển sinh và đào tạo ngành đăng ký xét tuyển của Nhà trường tại địa chỉ <https://tuyensinh.....> Tôi xin thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của thí sinh đăng ký xét tuyển đại học theo đúng quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và

của Trường Đại học Trung Vương. Tôi xin cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
HOẶC CƠ QUAN ĐANG CÔNG TÁC**

....., ngày.....thángnăm.....

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phân ghi của Trường Đại học Trung Vương

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Nhận xét, ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thẩm định: / /

Hồ sơ xét tuyển: Hợp lệ ; Không Hợp lệ ; Khác

.....

